TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2021/DS-ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2021.
V/v:"Tranh chấp quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy;
2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn H - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, về việc "*Tranh chấp quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Đăng T, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Hà Năng H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hà Thị Tới, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

3.2. Anh Hà Năng Quang, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà 143, đường Minh Khai, phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B.

3.3. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Bắc – Chi cục trưởng; người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan

Thị Việt Hà – Chấp hành viên (văn bản ủy quyền số: 374/TB-THADS ngày 26 tháng 3 năm 2021).

Các đương sự đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Hà Đăng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Tới thống nhất trình bày:

Ông bà là vợ chồng từ năm 1978. Ông bà có 02 người con là Hà Năng Quang và Hà Năng H. Sau khi cưới, vợ chồng ông bà sống tại quê ở Hải Dương. Do ông T công tác trong ngành đường sắt, nên năm 1991 ông bà đến chung sống tại nhà tập thể của Xí nghiệp quản lý đường sắt Hà Lạng, đến năm 2002 vợ chồng ông bà được thanh lý nhà và đất ở và được cấp Giấy chứng nhận quyền đất số (bìa): W096952, vào sổ cấp giấy: 01554 QSDĐ/QĐ8774Đ/UB(TX) ngày 27/11/2002 tại thửa số: 128 , tờ bản đồ số 9, diện tích đất 66,0m^2, tại: Phường Trần Nguyên Hãn, thị xã B, nay là địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B. Năm 1999, ông bà sửa lại nhà, trên đất có nhà ở 2 tầng trên diện tích đất 66m^2. Nay, ông bà xác định thửa đất này tài sản gắn liền với đất là của riêng vợ chồng ông bà, vì nguồn gốc đất là do vợ chồng ông bà mua thanh lý của Xí nghiệp quản lý đường sắt Hà Lạng và làm nhà ở khi các con còn nhỏ, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản này. Vậy, ông bà đề nghị Tòa án tuyên bố thửa đất và tài sản trên đất là tài sản của vợ chồng ông bà.

Bị đơn là anh Hà Năng H có lời khai xác định:

Anh là con trai thứ hai của ông Hà Đăng T và bà Hà Thị Tới. Đối với thửa số: 128 , tờ bản đồ số 9, diện tích đất 66,0m^2, tại: Phường Trần Nguyên Hãn, thị xã B, nay là địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận quyền đất số (bìa): W096952, vào sổ cấp giấy: 01554 QSDĐ/QĐ8774Đ/UB(TX) ngày 27/11/2002 có nguồn gốc đất là do bố mẹ anh mua thanh lý của Xí nghiệp quản lý đường sắt Hà Lạng và làm nhà ở khi anh còn nhỏ, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản này. Nay, anh xác định thửa đất và tài sản gắn liền với đất này là của bố mẹ anh (ông T và bà Tới), anh không có quyền lợi gì về tài sản này của bố mẹ anh, nên anh không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì điều kiện công việc bận, nên anh xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án khi tiến hành các thủ tục tố tụng, kể cả việc xét xử vụ án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Năng Quang xác định:

Anh là con trai lớn của ông Hà Đăng T và bà Hà Thị Tới. Đối với thửa số: 128 , tờ bản đồ số 9, diện tích đất 66,0m^2, tại: Phường Trần Nguyên Hãn, thị xã B, nay là địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận quyền đất số (bìa): W096952, vào sổ cấp giấy: 01554 QSDĐ/QĐ8774Đ/UB(TX) ngày 27/11/2002 có nguồn gốc đất là do bố mẹ anh mua thanh lý của Xí nghiệp quản lý đường sắt Hà Lạng và làm nhà ở khi anh còn nhỏ, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản này. Nay, anh xác định thửa đất và tài sản gắn liền với đất này là của bố mẹ anh (ông T và bà Tới), anh không có quyền lợi gì về tài sản này của bố mẹ anh, nên anh không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì điều kiện công việc bận, nên anh xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án khi tiến hành các thủ tục tố tụng, kể cả việc xét xử vụ án.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B có văn bản xác định:

Căn cứ Bản án số: 32/HSST ngày 01/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh B; căn cứ Quyết định ủy thác số: 03/QĐ-CTHADS ngày 17/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Ngày 07/11/2016, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B đã ban hành Quyết định thi hành án chủ động số: 45/QĐ-CCTHADS cho thi hành tiền án phí HSST 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*); tiền nộp sung công quỹ Nhà nước là 250.729.500 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm đồng)*; đối với: Hà Năng H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

Quá trình giải quyết việc thi hành án từ năm 2016 đến nay, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B đã xác minh điều kiện thi hành án của anh Hà Năng H thì xác định anh H không có nghề nghiệp ổn định, có vợ và hai con nhỏ, cuộc sống hàng ngày phải dựa vào bố mẹ là chính. Từ trước đến nay H không có tài sản riêng gì, sống cùng nhà với bố mẹ. NH H là thành viên trong hộ gia đình ông Hà Đăng T có tài sản là Quyền sử dụng thửa đất số: 128 , tờ bản đồ số 9, diện tích đất 66,0m^2, tại: Phường Trần Nguyên Hãn, thị xã B, nay là địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận quyền đất số (bìa): W096952, vào sổ cấp giấy: 01554 QSDĐ/QĐ8774Đ/UB(TX) ngày 27/11/2002. Căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 2 Điều 24 Nghị Định số 62/NĐ- CP ngày 18/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị Định số 33/2020/NĐ- CP ngay 17/3/2020) thì xác định anh Hà Năng H (là người phải thi hành án) có 1/4 trong khối tài sản chung hộ gia đình ông Hà Đăng T. Ngày 01/10/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B đã ban hành thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số 1148/TB- THADS thông báo cho hộ gia đình ông Hà Đăng T biết nếu không đồng ý với thông báo của

Chấp hành viên thì có quyền khởi kiện tại Tòa án thành phố B. Nay Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý giải quyết theo đơn yêu cầu của ông Hà Đăng T, Chi cục Thi hành án đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành pháp luật đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đăng T.

2. Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Hà Đăng T và bà Hà Thị Tới, bao gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số: 128 , tờ bản đồ số 9, diện tích đất 66,0m^2, tại: Phường Trần Nguyên Hãn, thị xã B, nay là địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận quyền đất số (bìa): W096952, vào sổ cấp giấy: 01554 QSDĐ/QĐ8774Đ/UB(TX) ngày 27/11/2002.

Tài sản gắn liền thửa đất, gồm: Nhà 03 tầng, nhà ở cấp 3 loại 2, diện tích 145,6m^2; nhà ở cấp 4 loại 1 diện tích 52,4,5m^2.

Về án phí: Anh Hà Năng H phải nộp 300.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Hà Đăng T và anh Hà Năng H là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng tại Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được qui định tại các Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ông Hà Đăng T, bà Hà Thị Tới, anh Hà Năng H và anh Hà Năng Quang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thửa đất số 128 , tờ bản đồ số 9, diện tích đất 66,0m^2, tại: Phường Trần Nguyên Hãn, thị xã B, nay là địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận quyền đất số (bìa): W096952, vào sổ cấp giấy: 01554 QSDĐ/QĐ8774Đ/UB(TX) ngày 27/11/2002. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình ông T có 4 nhân khẩu, gồm: Ông Hà Đăng T, bà Hà Thị Tới, anh Hà Năng H và anh Hà Năng Quang.

Quyền sử dụng thửa đất số: 128 , tờ bản đồ số 9, diện tích đất 66,0m^2, trị giá 792.000.000 đồng; Tài sản gắn liền thửa đất, gồm: Nhà 03 tầng, nhà ở cấp 3 loại 2, diện tích 145,6m^2, trị giá 260.114.400 đồng; nhà ở cấp 4 loại 1 diện tích 52,4,5m^2, trị giá 3.588.000 đồng và các tài sản khác đã hết khấu hao sử dụng. Tổng cộng là 1.055.702.400 đồng.

Theo lời trình bày của các đương sự, qua xem xét tài liệu là hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc đất và tài sản gắn liền có được là do ông T và bà Tới tạo lập nên từ khi anh Năng và anh Quang còn nhỏ, thực tế không có công sức đóng góp gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: Khối tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng ông Hà Đăng T và bà Hà Thị Tới theo Điều 33, Điều 35 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 115, Điều 213 của Bộ luật dân sự; Điều 5 của Luật đất đai. Nên, yêu cầu của ông Hà Đăng T và bà Hà Thị Tới được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

3.1. Chi phí định giá tài sản 2.000.000 đồng ông T nhất trí chịu khoản chi phí này và đã nộp chi phí, nên Hội đồng xét xử không xem xét;

3.2. Về án phí: Anh Hà Năng H chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 35 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 115, Điều 213 của Bộ luật dân sự; Điều 5 của Luật đất đai;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đăng T và yêu cầu độc lập của bà Hà Thị Tới.

2. Công nhận tài sản chung của vợ chồng ông Hà Đăng T và bà Hà Thị Tới, bao gồm:

2.1. Quyền sử dụng thửa đất số 128 , tờ bản đồ số 9, diện tích đất 66,0m^2, tại: Phường Trần Nguyên Hãn, thị xã B, nay là địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 20, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận quyền đất số (bìa): W096952, vào sổ cấp giấy: 01554 QSDĐ/QĐ8774Đ/UB(TX) ngày 27/11/2002, trị giá 792.000.000 đồng (bảy trăm chín mươi hai triệu đồng).

2.2. Tài sản gắn liền thửa đất, gồm: Nhà 03 tầng, nhà ở cấp 3 loại 2, diện tích 145,6m^2, trị giá 260.114.400 đồng; nhà ở cấp 4 loại 1 diện tích 52,4,5m^2, trị giá 3.588.000.

Tổng cộng trị giá toàn bộ tài sản là 1.055.702.400 đồng (một tỷ không trăm năm mươi nhăm triệu, bảy trăm linh hai nghìn, bốn trăm đồng).

3. Về án phí: Anh Hà Năng H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND TP. B;*
- *VKSND tỉnh B*
- *CCTHADS TP. B;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trần Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Kiên